

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ HUẾ

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN ĐỢT 2 - CAO ĐẲNG CHÍNH QUY
NĂM 2018

Phương thức 1: Xét Điểm thi THPT Quốc gia

STT	Mã HS	Họ và Tên		Ngày sinh	Hộ khẩu	Trường THPT	KV	ĐT	Tổng điểm	Ngành TT	Ghi chú
1	B.04	Lê Thị Kiều	Diễm	08/08/2000	3501 H. Bình Sơn	35001 THPT Trần Kỳ Phong	ZIN T		20.25	Điều dưỡng	
2	B.01	Hoàng Thị Hồng	Dung	08/05/2000	3204 H. Gio Linh	32040 THPT Gio Linh	ZIN T		15.75	Điều dưỡng	
3	2	Đặng Thị Thùy	Dương	23/09/2000	3301 Tp. Huế	33036 THPT Chi Lăng	2		13.60	Điều dưỡng	
4	B.03	Võ Thị Hồng	Hạnh	12/10/2000	3503 Tp. Quảng Ngãi	35012 THPT Lê Trung Đình	2		17.65	Điều dưỡng	
5	3	Đàm Thị	Hoài	16/05/2000	3306 Tx. Hương Thủy	33018 THPT Hương Thủy	2		20.55	Điều dưỡng	
6	4	Đào Thị Quỳnh	Như	15/06/2000	3305 H. Phú Vang	33016 THPT Phan Đăng Lưu	ZIN T		18.35	Điều dưỡng	
7	B.02	Nguyễn Thị Hồng	Tươi	01/06/2000	3003 H. Hương Sơn	30029 THPT Cao Thắng	1		16.85	Điều dưỡng	
8	1	Trần Thị Túy	Vân	20/02/1999	3307 H. Phú Lộc	33020 THPT An Lương Đông	ZIN T		17.35	Điều dưỡng	
9	B.03	Lữ Thị	Bình	02/07/2000	2919 H. Quế Phong	29103 THPT Quang Trung	ZIN T		18.15	Dược	
10	B.01	Ngô Thị	Duyên	20/05/2000	4004 H. Krông Năng	14013 THPT Thuận Châu	1		19.60	Dược	
11	2	Phạm Thị Thanh	Hằng	05/09/2000	3107 H. Lệ Thủy	31038 THPT Lệ Thủy	ZIN T		16.05	Dược	
12	4	Trần Thị	Hằng	07/03/2000	3303 H. Quảng Điền	33044 THPT Tổ Hữu	1		19.55	Dược	
13	3	Nguyễn Tấn	Hiển	07/08/2000	3303 H. Quảng Điền	33044 THPT Tổ Hữu	1		18.65	Dược	
14	B.06	Đinh Thị	Hiếu	11/10/2000	3815 H. Đak Pơ	38045 THPT Y Đôn	1		17.40	Dược	
15	7	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	14/06/2000	3305 H. Phú Vang	33016 THPT Phan Đăng Lưu	ZIN T		18.30	Dược	
16	B.02	Phạm Thị Bích	Loan	27/10/2000	3710 Tx. An Nhơn	37017 THPT Số 3 An Nhơn	2		14.95	Dược	
17	6	Nguyễn Thị Diệu	Ly	10/05/2000	3302 H. Phong Điền	33013 THPT Nguyễn Đình Chiểu	ZIN T		19.65	Dược	
18	10	Đậu Quỳnh	Mai	05/10/2000	3101 Tp. Đồng Hới	31002 THPT Đào Duy Từ	2		13.65	Dược	
19	B.05	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	06/03/2000	3603 H. Ngọc Hồi	36027 THPT Nguyễn Trãi	1		18.20	Dược	
20	B.04	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	28/10/2000	3603 H. Ngọc Hồi	36027 THPT Nguyễn Trãi	1		19.40	Dược	
21	5	Đỗ Nhật Anh	Thư	20/02/2000	3301 Tp. Huế	33002 THPT Hai Bà Trưng	2		20.60	Dược	
22	1	Lê Thị Thùy	Trang	12/11/2000	3107 H. Lệ Thủy	31038 THPT Lệ Thủy	ZIN T		12.80	Dược	
23	9	Bùi Thị	Tú	17/10/2000	3004 H. Đức Thọ	30032 THPT Nguyễn Thị Minh Khai	ZIN T		19.10	Dược	
24	8	Nguyễn Ngọc Phương	Uyên	09/08/2000	3301 Tp. Huế	33002 THPT Hai Bà Trưng	2		18.80	Dược	
25	B.1	Nguyễn Huỳnh Phương	Anh	28/02/1999	3601 Tp. Kon Tum	36020 THPT Duy Tân	1		15.60	KT Xét nghiệm YH	

STT	Mã HS	Họ và Tên		Ngày sinh	Hộ khẩu	Trường THPT	KV	ĐT	Tổng điểm	Ngành TT	Ghi chú
26	2	Nguyễn Thị	Hằng	05/06/2000	3107 H. Lệ Thủy	31039 THPT Hoàng Hoa Thám	1		12.80	KT Xét nghiệm YH	
27	B.02	Nguyễn Trọng	Nhân	05/04/2000	4001 Tp. B. M. Thuật	40002 THPT Buôn Ma Thuật	1		18.95	KT Xét nghiệm YH	
28	B.03	Nguyễn Thị	Nhung	01/11/2000	2911 H. Yên Thành	29050 THPT Bắc Yên Thành	1		16.30	KT Xét nghiệm YH	
29	3	Hà Vỹ	Phúc	13/08/2000	3301 Tp. Huế	33007 THPT Nguyễn Tộ	2		16.60	KT Xét nghiệm YH	
30	4	Hồ Thủy	Tiên	03/12/2000	3301 Tp. Huế	33007 THPT Nguyễn Tộ	2		17.10	KT Xét nghiệm YH	
31	1	Lê Quang	Vinh	22/06/2000	3301 Tp. Huế	33004 THPT Gia Hội	2		14.75	KT Xét nghiệm YH	